

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2017/HSPT

Ngày: 15-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Nguyễn Kim Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2017/HSPT ngày 28 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Văn T**, sinh năm: 1989 tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre; số chứng minh nhân dân: xxxxxx; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị R (đã chết); có vợ Trần Thị Thảo L, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/02/2017 cho đến nay; có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn L là Luật sư - Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người bị hại: Anh Phan Văn Trung Vinh A, sinh năm: 1981; ĐKTT: Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại: Ông Nguyễn Minh K là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre; có mặt.

NHẬN THẤY:

Khoảng 22 giờ ngày 12/9/2014, trong lúc Lê Văn T đang ngồi uống rượu tại nhà ông Nguyễn Văn B tại ấp A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre cùng với Nguyễn Hải

Đ, Lê Hữu Đ và Trần Thanh T thì chị Đặng Thị H, sinh năm: 1984; ĐKTT: ấp M, xã Đ, huyện B nhà ở gần ao tôm của mẹ vợ T là bà Đặng Thị V nhìn thấy có người đi ngang ao tôm, sợ bị mất trộm nên chị H điện thoại hỏi T “Mày đang ở đâu? Tao thấy có người đi ngang ao tôm”.

Sau khi nghe điện thoại xong, T chạy xe về gặp chị H hỏi “Hồi nãy chị có nhìn thấy ai không?”, chị H trả lời là thấy có anh em thằng Th (tên thật Phan Văn Trung Vinh A; sinh năm: 1981; ngụ tại ấp E, xã P, huyện B). T nghi ngờ anh em của Vinh A đi tìm T để đánh, do trước đây vào năm 2014 hai bên có xảy ra mâu thuẫn. Nhưng thực tế là anh em của Vinh A đến chài tôm của Vinh A để lấy tôm mang về nhà uống rượu cùng bạn bè. Lúc này, T chạy xe về nhà bà V đi lại sau bếp mở tủ đựng thức ăn lấy một con dao thái lan dài khoảng 20 cm, cán bằng gỗ màu xám, lưỡi bằng kim loại, mũi dao nhọn cật trong người. Đồng thời, T điện thoại cho Hồ Văn Minh N và Phan Phú L, nội dung kêu N và L cùng đi tới nhà của Vinh A để hỏi chuyện tại sao tìm T (T không nói đi tìm đánh Vinh A). Sau đó, T chạy xe ra tới đầu đường tỉnh 883 thì gặp L chạy xe một mình đến trước, N chạy xe đến sau. Do N và L không biết đường nên T điều khiển xe chạy trước, N và L chạy theo sau. Khi đến nhà ông Phan Văn Đ là cha ruột của Vinh A, T nhìn thấy Vinh A đang đứng ở phía trước thềm ba. T liền móc dao thái lan ra, cầm dao trên tay trái, mũi dao hướng ra ngoài, đi vào thềm ba đứng đối diện với Vinh A đâm 01 cái trúng vào vùng ngực trái và tiếp tục đâm 01 cái trúng vào vùng ngực phải của Vinh A. Vinh A giằng co giật lấy dao của T nhưng bị té nằm xuống nên xi măng rồi la lên “Tèo ơi tao bị đâm rồi” thấy vậy T bỏ chạy ra ngoài. Đang nằm ngủ trong nhà Phan Trung E nghe tiếng Vinh A nên chạy ra dùng vỏ chai bia, dao chặt nước đá và các vật dụng khác trong nhà ném về phía T. Lúc này L và N cũng vừa chạy xe đến thấy vậy nên bỏ chạy. Sau khi gây thương tích cho Vinh A, T cất dao trong túi quần rồi chạy về nhà mẹ vợ ở ấp C, xã Đ. Trên đường chạy, T làm rơi mất con dao lúc nào không biết. Đối với Vinh A sau khi bị thương tích được gia đình đưa đến bệnh viện huyện để cấp cứu, sau đó chuyển đến điều trị tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 294/1014/TgT ngày 20/10/2014 và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 05-1214/TgT ngày 19/12/2014 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre xác định Phan Văn Trung Vinh A có những thương tích sau: Vết thương ngực trái khoảng liên sườn 7, 8 đường nách trước dài 02 cm thấu vào lồng ngực gây: tràn máu, tràn khí màng phổi trái + thủng cơ hoành trái, máu đọng màng phổi trái, mũ màng phổi trái; Xquang ngực thẳng: dày dính đáy màng phổi trái. Xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 25%. Mặt sau cánh tay trái có vết sẹo mờ dài 04 cm; ngón II bàn tay trái có vết sẹo mờ dài 02 cm; ở khoang sườn II-III đường trung đòn phải có vết sẹo dài 1,5 cm; xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 03 %. Tổng tỷ lệ thương tật của Phan Văn Trung Vinh A là 27%.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại có thu giữ 01 vỏ nhựa màu đen, bên trong rỗng, kích thước 35cm x 04cm; 01 đoạn gỗ bị gãy dài 57cm, đường kính 4,5 cm; 01 con dao loại dao chặt nước đá dài 33cm, rộng 08 cm, mũi dao bằng; 01 con dao bằng kim loại, cán gỗ dài 30cm, lưỡi dao rộng 05 cm; 01 thanh kim loại dài 48 cm, rộng 02 cm; 01 cái búa bằng kim loại, cán gỗ dài 30,5 cm, kích thước lưỡi búa 09cm x 05cm. Đồng thời tiến hành truy tìm con dao là hung khí mà T sử dụng để gây án nhưng không thu hồi được.

Ngày 09/3/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại đã khởi tố vụ án để tiến hành điều tra. Tuy nhiên trong thời gian điều tra Lê Văn T vắng mặt tại địa phương, đi làm thuê nên không làm việc được. Sau đó vụ án phải tạm đình chỉ do hết thời hạn điều tra chưa xác định được bị can. Đến ngày 11/02/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại tìm được nơi ở của T và mời T về làm việc.

Qua làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của T hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án đồng thời khởi tố bị can đối với Lê Văn T về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị hại Phan Văn Trung Vinh A yêu cầu Lê Văn T bồi thường chi phí điều trị, tiền ăn trong thời gian điều trị và tổn thất lao động số tiền 61.105.000 đồng. Ông Lê Văn Đ là cha ruột của bị cáo Lê Văn T đã bồi thường cho bị hại với số tiền 4.000.000 đồng. Còn lại số tiền 57.105.000 đồng phía Lê Văn T đồng ý bồi thường nhưng chưa có khả năng khắc phục một lần.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 28 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Lê Văn T phải bồi thường cho người bị hại Phan Văn Trung Vinh A số tiền 61.105.000 đồng, đã bồi thường 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 57.105.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2017 bị cáo Lê Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giảm mức bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và thay đổi yêu cầu kháng cáo. Bị cáo rút lại kháng cáo yêu cầu

giảm mức bồi thường thiệt hại cho người bị hại; Chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự và yêu cầu rút một phần kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng và gia đình bị cáo có nhiều người thân có công với Tổ quốc. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; Sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 02 năm đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Đối với phần trách nhiệm dân sự do bị cáo đã rút kháng cáo nên không xem xét. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Đồng ý với tội danh của bị cáo Lê Văn T nhưng mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường trước cho người bị hại số tiền 4.000.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo có nhiều người thân có công với Tổ quốc như ông nội có 02 người em ruột tên Lê Văn Q và Lê Văn N đều là liệt sĩ, bà ngoại có 02 người em ruột tên Trương Văn B và Trương Văn T đều là liệt sĩ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, do bị cáo rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Bị cáo phát biểu ý kiến: Không có ý kiến.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại phát biểu ý kiến: Thống nhất với ý kiến của người bị hại là đồng ý với bản án sơ thẩm và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo phần trách nhiệm dân sự và trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo có bồi thường thiệt hại thêm cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Người bị hại phát biểu ý kiến: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T khai nhận hành vi gây thương tích cho người bị hại Phan Văn Trung Vinh A phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: Vào ngày 12/9/2014, mặc dù không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng vào khoảng 22 giờ cùng ngày, trong lúc đang uống rượu Lê Văn T nghe điện thoại của chị Đặng Thị H cho biết có anh em của Phan Văn Trung Vinh A đi ngang ao tôm của mẹ vợ T, T nghĩ anh em của Vinh A tìm đánh T nên T chạy về nhà mẹ vợ lấy 01 con dao thái lan là hung khí nguy hiểm đi đến nhà cha của Vinh A ở ấp E, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre đâm vào vùng ngực của Vinh A gây tràn máu, tràn khí màng phổi trái + thủng cơ hoành trái, máu đóng màng phổi trái, mũ màng phổi trái; Xquang ngực thẳng: dày dính đáy màng phổi trái và các vết sẹo ở cánh tay, ngón II bàn tay trái, khoang sườn II-III đường trung đòn phải, với tổng tỷ lệ thương tật của Phan Văn Trung Vinh A là 27%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường trước một phần thiệt hại cho người bị hại với số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thấy được lỗi của mình đã thành khẩn khai báo và thật sự tỏ ra ăn năn hối cải nên mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo đã cố gắng bồi thường trước một phần thiệt hại cho người bị hại với số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng; Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi con nhỏ sinh năm 2014, gia đình bị cáo có nhiều người thân có công với Tổ quốc như ông nội của bị cáo có 02 người em ruột tên Lê Văn Q và Lê Văn N đều là liệt sĩ, bà ngoại của bị cáo có 02 người em ruột tên Trương Văn B và Trương Văn T đều là liệt sĩ. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng và tại cấp phúc thẩm bị cáo cũng có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới,

quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa quyết định về phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đối với Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xử phạt bị cáo tù 02 năm đến 02 năm 09 tháng tù là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Đối với người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm tù là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Đối với người bảo vệ quyền lợi của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận bị cáo đã rút kháng cáo phần trách nhiệm dân sự và có bồi thường thiệt hại thêm cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Đối với bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm đã rút kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, vì vậy phần trách nhiệm dân sự của bản án hình sự sơ thẩm được xem như không có kháng cáo và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Ngoài ra, vào ngày 02/6/2017 chị Lê Thị Diễm T là em ruột của bị cáo có làm giấy biên nhận bồi thường tiếp cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng do ông Phan Văn Đ là cha của người bị hại đại diện nhận nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận để làm cơ sở cho Cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án theo thẩm quyền.

[7] Về án phí, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự; Chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo; Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng về tội “Cố ý gây thương tích”; Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2017.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Lê Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Bình Đại (3b);
- Công an và Viện kiểm sát huyện Bình Đại (2b);
- UBND xã Đ (1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện B (2b);
- (để giao cho bị cáo T 1b)
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa hình sự,
Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu (2b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ Tòa phiên tòa

(Đã ký)

Tôn Văn Thông